

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. GIỚI THIỆU

1. Khái quát về dự án và gói thầu

1.1. Giới thiệu chung dự án

- a) Tên dự án: Khu lưu trữ hiện hành Trung tâm hành chính thành phố.
- b) Nhóm dự án, loại, cấp và quy mô công trình: Dự án nhóm B, công trình dân dụng, cấp II; thời gian sử dụng công trình chính theo thiết kế không nhỏ hơn 50 năm.
- c) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng.
- d) Địa điểm xây dựng: phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.
- đ) Tổng mức đầu tư: 328.331.579.000 đồng (*Ba trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).
- e) Mục tiêu dự án

Đầu tư xây dựng Khu lưu trữ hiện hành Trung tâm hành chính thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ hồ sơ hiện hành của các cơ quan, đơn vị làm việc trong Trung tâm Hành chính thành phố và Nhà làm việc Hòa Xuân theo đúng quy định, đồng thời đảm bảo an toàn và kéo dài tuổi thọ của tài liệu lưu trữ, thuận lợi trong quá trình tìm kiếm, sao lưu tài liệu khi có nhu cầu.

1.2. Giới thiệu chung về gói thầu

- a) Tên gói thầu: Lập hồ sơ thiết kế thi công và dự toán.
- b) Giá gói thầu: Tối đa không quá 3.565.219.705 đồng, đã bao gồm thuế VAT 8% và các chi phí liên quan khác.
- c) Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng.
- d) Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- đ) Thời gian lựa chọn nhà thầu: Quý II năm 2026.
- e) Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- g) Thời gian thực hiện gói thầu: 45 ngày.

2. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Trên cơ sở các thông tin đã nêu trong E-HSMT, lựa chọn một nhà thầu tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện hoàn thành công việc tư vấn lập hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (thiết kế bản vẽ thi công và dự toán) cho dự án Khu lưu trữ hiện hành Trung tâm hành chính thành phố.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án/dự toán mua sắm, thời gian, tiến độ thực hiện

1.1. Phạm vi công việc

Lập hồ sơ thiết kế - dự toán công trình Khu lưu trữ hiện hành Trung tâm hành chính thành phố, quy mô đầu tư như sau:

a) Phần xây lắp

- Xây mới Khối nhà lưu trữ với quy mô 09 tầng, diện tích xây dựng khoảng 1.063m², tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 9.407m².

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà đặt máy phát điện dự phòng, máy bơm, hệ thống tường rào, cổng ngõ...

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: Sân, đường giao thông nội bộ; hệ thống mương thoát nước; hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà; cây xanh, cảnh quan; bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy và bể nước sinh hoạt...

b) Phần thiết bị

- Trang thiết bị xây lắp công trình: Điều hòa không khí, hút ẩm, quạt thông gió, chống sét, hệ thống âm thanh, điện thoại, mạng, camera giám sát, hệ thống an ninh cửa, máy phát điện dự phòng, thang máy, phòng cháy chữa cháy...

- Trang thiết bị văn phòng, làm việc: Kệ lưu trữ di động, bàn ghế phòng làm việc và phòng họp, máy tính, máy photocopy, máy hút bụi, xe đẩy, nhiệt kế và ẩm kế...

1.2 . Giải pháp thiết kế công trình

1.2.1. Giải pháp thiết kế kiến trúc, kết cấu công trình

a) Khối công trình 9 tầng (Ký hiệu số 1)

* Giải pháp kiến trúc:

- Tầng 1 diện tích xây dựng 1.063m² bố trí các phòng: 01 phòng làm việc + họp, 01 phòng camera giám sát, 04 phòng kho tài liệu Sở Xây dựng, 01 phòng xử lý tài liệu, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh đón + hành lang.

- Tầng 2 diện tích sàn xây dựng: 1.043m² bố trí các phòng: 01 phòng xử lý tài liệu, 04 phòng kho tài liệu Sở Xây dựng, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 3 diện tích sàn xây dựng 1.043m² bố trí các phòng: 01 phòng xử lý tài liệu, 03 phòng kho tài liệu Sở Tài chính, 01 phòng kho tài liệu Sở Xây dựng, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 4 diện tích sàn xây dựng 1.043m² bố trí các phòng: 01 phòng xử lý

tài liệu, 02 phòng kho tài liệu Sở Tài chính, 03 phòng kho tài liệu Sở Nội vụ, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 5 diện tích sàn xây dựng 1.043m^2 bố trí các phòng: 01 phòng xử lý tài liệu, 04 phòng kho tài liệu Sở Nông nghiệp và Môi trường, 01 phòng kho Sở khoa học và công nghệ, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 6 diện tích sàn xây dựng 1.043m^2 bố trí các phòng: 01 phòng xử lý tài liệu, 03 phòng kho tài liệu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, 01 phòng kho tài liệu Sở Khoa học và Công nghệ, 01 phòng kho xử lý tài liệu Văn phòng UBND thành phố, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 7 diện tích sàn xây dựng 1.043m^2 bố trí các phòng: 01 phòng xử lý tài liệu, 04 phòng kho tài liệu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, 01 phòng kho tài liệu Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 02 vệ sinh nam, 02 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 8 diện tích sàn xây dựng 1.043m^2 bố trí các phòng: 01 phòng xử lý tài liệu, 04 phòng kho tài liệu Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông và Nông nghiệp, 02 phòng kho tài liệu Ban quản lý đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 01 vệ sinh nam, 01 vệ sinh nữ, 01 thang máy nhân viên, 01 thang máy chở tài liệu, 2 cầu thang bộ, sảnh + hành lang.

- Tầng 9 diện tích sàn xây dựng 1.043m^2 bố trí các phòng: 01 phòng không gian đệm mái lớp trong, 01 phòng kỹ thuật thang máy, 01 phòng kỹ thuật điện, 01 phòng dụng cụ vệ sinh nhà, 2 cầu thang bộ.

- Vật liệu hoàn thiện công trình: Các mặt tường ngoài lăn sơn, ốp gạch trang trí; tường trong lăn sơn màu ghi sáng, trắng; tường trong vệ sinh ốp gạch Ceramic $300 \times 600\text{mm}$; chân tường các phòng kho và hành lang ốp gạch granite $600 \times 120\text{mm}$. Cửa đi, cửa sổ phòng kho tài liệu chống cháy và cửa đi, cửa sổ dùng cửa nhôm - kính. Nền hành lang lát gạch granite nhân tạo $600 \times 600\text{mm}$ loại nhám; nền nhà các phòng kho tài liệu sơn PU 2 thành phần; nền khu vệ sinh lát gạch granite chống trượt $300 \times 600\text{mm}$. Trần thả tấm thạch cao khung sườn mạ kẽm; các phòng vệ sinh được đóng trần thả thạch cao chống ẩm. Chống mối mọt.

* Giải pháp kết cấu:

- Giải pháp móng: Móng cọc khoan nhồi đường kính D400mm, chiều dài cọc dự kiến 13.07m, sức chịu tải cọc dự kiến là 40 tấn; Cọc khoan nhồi có đường kính D800mm, chiều dài cọc dự kiến 37,37÷37,75m, sức chịu tải cọc dự kiến là 450 tấn.

- Vật liệu sử dụng: Bê tông cọc khoan nhồi cấp độ bền B22,5 (tương đương mác M300), đài móng, giằng móng, cột, vách, dầm, sàn, cầu thang cấp độ bền B30 (tương đương mác M400), đá 10x20. Bê tông lanh tô, giằng tường, lam đứng dầm cấp độ bền B15 (tương đương mác M200). Bê tông lót móng dày 100mm, cấp độ bền B7,5 (tương đương mác M100), đá 40x60. Cốt thép $\Phi K < 10$ mm dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép $\Phi K \geq 10$ mm dùng thép nhóm CB400-V.

b) Các hạng mục phụ trợ

- Nhà bảo vệ (Ký hiệu số 4): Diện tích xây dựng 15m², 01 tầng, chiều cao công trình 4,6m kể từ cốt sàn tới đỉnh mái. Giải pháp kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép. Vật liệu sử dụng: Bê tông móng, đà kiềng, cột, dầm, sàn cấp độ bền B20 (tương đương mác M250). Bê tông lanh tô, giằng tường cấp độ bền B15 (tương đương mác M200). Bê tông lót móng dày 100mm, cấp độ bền B7,5 (tương đương mác M100), đá 40x60. Cốt thép $\Phi K < 10$ mm dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép $\Phi K \geq 10$ mm dùng thép nhóm CB400-V.

- Nhà xe (Ký hiệu số 3): Diện tích xây dựng 51m², 01 tầng, chiều cao công trình 3,8m kể từ cốt sàn tới đỉnh mái. Giải pháp kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép, Hệ khung cột – kèo thép ống tròn. Vật liệu sử dụng: Bê tông móng cấp độ bền B20 (tương đương mác M250). Bê tông lót móng dày 100mm, cấp độ bền B7,5 (tương đương mác M100), đá 40x60. Cốt thép $\Phi K < 10$ mm dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép $\Phi K \geq 10$ mm dùng thép nhóm CB400-V. Thép hình nhóm S235

- Nhà máy phát điện dự phòng, máy bơm (Ký hiệu số 2): Diện tích xây dựng 51m², 01 tầng, chiều cao công trình 4,6m kể từ cốt sàn tới đỉnh mái. Giải pháp kết cấu: Móng đơn bê tông cốt thép. Vật liệu sử dụng: Bê tông móng, đà kiềng, cột, dầm, sàn cấp độ bền B20 (tương đương mác M250). Bê tông lanh tô, giằng tường cấp độ bền B15 (tương đương mác M200). Bê tông lót móng dày 100mm, cấp độ bền B7,5 (tương đương mác M100), đá 40x60. Cốt thép $\Phi K < 10$ mm dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép $\Phi K \geq 10$ mm dùng thép nhóm CB400-V.

- Tường rào, cổng ngõ, kè chắn đất: Tường rào loại 1 bằng trụ thép, lưới thép + trồng cây xanh dài 99,7m cao 2,4m. Tường rào loại 2 dài 160,3m cao 2,2m. Giải pháp kết cấu: Móng tường rào tại vị trí không có kè chắn đất có kích thước (600x600)mm. Kè chắn đất kiểu giạt cấp, chiều cao kè 1700÷4800mm, bố trí ống nhựa thoát nước có đường kính D60x3mm. Vật liệu sử dụng: Bê tông móng cấp độ bền B20 (tương đương mác M250). Bê tông lót móng dày 100mm, cấp độ bền B7,5 (tương đương mác M100), đá 4x6. Bê tông kè chắn đất M200 đá 2x4.

c) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà

- San nền: Đắp/đào thành từng lớp, đầm chặt K85 với quy mô như sau:
 - + Tổng khối lượng đào: 23,22 m³;
 - + Tổng khối lượng đắp: 1.616,32 m³;
- Sân, đường giao thông nội bộ: Diện tích khoảng 916,3m²; Đường giao thông nội bộ bê tông xi măng đá 1x2 M200 dày 150, ny lông, đầm chặt bề mặt đường độ chặt K85.
- Hệ thống mương thoát nước: Thành mương xây gạch bê tông vữa xi măng M75, đan mương bê tông cốt thép đá 1x2 M200, đáy mương lót bê tông đá 4x6 VXM M100 dày 10cm. Mương B300 chiều dài khoảng 185m. Mương thoát nước mưa được đấu nối vào hệ thống thoát nước thành phố bằng ống HPDE D400.
- Hệ thống điện chiếu sáng ngoài nhà: Hệ thống cấp điện cho các khối công trình sử dụng cáp ngầm âm đất có lớp giáp bảo vệ CU/XLPE/PVC/DATA/PVC 9x(1Cx300MM²) + 2x(1Cx300MM²) luồn ống nhựa HDPE đấu nối từ trạm biến áp 630kVA-22/0,4KV xây dựng mới (do Công ty Điện lực Đà Nẵng đầu tư). Hệ thống chiếu sáng sử dụng đèn led 150w, trụ đèn cao 8m để chiếu sáng cho các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên dự án.
- Cây xanh, cảnh quan: Diện tích khoảng 900m², trồng các loại cây như : Cỏ lá gừng, cây Muồng tím, cây Bông giấy leo dọc hàng rào,...
- Bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy và bể nước sinh hoạt:
 - + Bể nước ngầm sinh hoạt kích thước 2,9x2,9x1,55m (thể tích chứa 5m³), đáy bể dày 200mm, thành bể dày 200mm, nắp bể dày 150mm, đổ bê tông cốt thép toàn khối, cấp độ bền B22,5 (tương đương mác M300), đá 10x20. Cốt thép đường kính < 10 mm dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép đường kính ≥ 10mm dùng thép nhóm CB400-V. Thành bể, đáy bể ốp gạch chống thấm, chống rêu mốc.
 - + Bể nước ngầm PCCC kích thước 16,5x4,75x2,5m (thể tích chứa khoảng 126m³), đáy bể dày 300mm, thành bể dày 250mm, nắp bể dày 200mm, đổ bê tông cốt thép toàn khối, cấp độ bền B22,5 (tương đương mác M300), đá 10x20. Cốt thép đường kính < 10 mm dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép đường kính ≥ 10mm dùng thép nhóm CB400-V. Thành bể, đáy bể ốp gạch chống thấm, chống rêu mốc.
- Khớp nối hạ tầng, vỉa hè:
 - + Nền đường khớp nối đổ bê tông nhựa chặt, diện tích khoảng 226m².
 - + Vỉa hè lát gạch Terazzo (400x400x30)mm, diện tích khoảng 1.140m².

1.2.2. Giải pháp thiết kế cơ điện công trình

Công trình được đấu nối từ đường dây trung thế 22kV hiện trạng của điện lực nằm trên vỉa hè dọc theo đường Trường Sơn. Từ vị trí đấu nối trung thế đi cáp ngầm CXV/SE-DSTA-3x70-12,7/22(24kV) đến trạm biến áp 630kVA xây mới nằm trong khuôn viên của công trình. Tại đây, sẽ lắp tủ hạ áp xuống 22/0.4kV, sau đó cấp đến tủ điện ATS (chuyển nguồn nhanh) đặt tại phòng đặt

máy phát điện dự phòng, chia hai nguồn, một nguồn đến máy phát điện và một nguồn cấp đến tủ điện chính kho lưu trữ đặt tại tầng 1 phòng kỹ thuật thuộc khối công trình chính. Sử dụng cáp ngầm âm đất có lớp giáp bảo vệ CU/XLPE/PVC/DATA/PVC $9 \times (1 \times 300 \text{MM}^2) + 2 \times (1 \times 300 \text{MM}^2)$ luồn trong ống HDPE âm đất. Từ tủ điện chính sẽ phân phối đến các khu vực, các tầng, các phòng, tủ điện bơm PCCC, tủ báo cháy, tủ điện nhẹ và các khu khác. Chiếu sáng nhân tạo bằng hệ thống đèn Led hiện có trên thị trường. Chiếu sáng tự nhiên bằng hệ thống cửa sổ và cửa đi.

1.2.3. Giải pháp thiết kế chống sét, tiếp đất công trình

- Hệ thống chống sét cho công trình được lắp đặt 01 kim thu sét tiên đạo trên sân mái của khối nhà 09 tầng với bán kính bảo vệ cấp I, $R_{pl}=63\text{m}$. Cáp thoát sét được bố trí 02 đường thoát sét từ kim thu sét xuống hệ thống tiếp địa, sử dụng cáp đồng 70mm^2 .

- Hệ thống tiếp địa chống sét khối nhà được khoan 02 giếng, cọc tiếp địa bằng đồng có kích thước D40, $L=12\text{m}$ được liên kết với nhau, chiều sâu giếng khoan 12m, sau khi liên kết các cọc tiếp địa được tiếp tục liên kết bằng cáp đồng $S=70\text{mm}^2$. Điện trở của hệ thống tiếp đất $R_{ndcs} \leq 10\Omega$.

1.2.4. Giải pháp thiết kế điều hòa không khí, thông gió

- Sử dụng hệ thống điều hòa không khí trung tâm VRF được làm lạnh bằng gas R410.

- Thông gió: Các phòng kho lưu trữ bố trí hệ thống quạt hút gió thải ra bên ngoài.

1.2.5. Giải pháp thiết kế cấp thoát nước công trình

- Cấp nước: Nước cấp sinh hoạt lấy từ ống cấp nước thủy cục dẫn vào bể nước ngầm làm mới và bơm lên kết nước đặt trên sân mái và cung cấp nước sinh hoạt xuống cho toàn nhà. Đường ống cấp nước lạnh sử dụng ống PPR.

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước được thiết kế độc lập gồm mạng thoát nước rửa và mạng thoát nước bẩn. Toàn bộ nước thải từ các xí, âu tiêu được thu vào các ống đứng thoát bẩn đặt trong các hộp kỹ thuật và chảy về ngăn chứa của bể tự hoại đặt ngầm để xử lý, sau đó dẫn về bể xử lý nước thải để xử lý sau đó đầu nối hệ thống thoát nước ngoài nhà. Toàn bộ nước thải từ các chậu rửa, phễu thu sàn được thu vào các ống đứng thoát nước rửa đặt trong hộp kỹ thuật, thoát về hố ga ngăn mùi và dẫn về bể xử lý nước thải để xử lý đầu nối với hệ thống thoát nước ngoài nhà. Đối với nước thoát dùng ống đứng D114, các ống nhánh D60 > D114. Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thành phố trên đường Trường Sơn. Bể xử lý nước thải kích thước (4,8x1,4x2,1)m công suất thể tích chứa $2 \text{ m}^3/\text{ngđ}$, đáy bể dày 200mm, thành bể dày 200mm, nắp bể dày 150mm, đổ bê tông cốt thép toàn khối, cấp độ bền B22,5 (tương đương mác M300), đá 10x20. Cốt thép đường kính $< 10 \text{ mm}$ dùng thép nhóm CB240-T. Cốt thép đường kính $\geq 10\text{mm}$ dùng thép nhóm CB400-V. Thành bể, đáy bể ốp gạch chống thấm, chống rêu mốc.

- Thoát nước mưa: Nước mưa trên mái được thoát vào các ống đứng thoát nước mưa đặt trong ống trụ PVC D60, sau đó đầu nối vào hệ thống mương thoát nước xung quanh khối nhà.

1.2.6. Giải pháp thiết kế phòng cháy chữa cháy

a) Khoảng cách an toàn về PCCC

- Khối nhà lưu trữ (kí hiệu số 1): Căn cứ bảng E.1, E.3, E.4b QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022);

+ Hướng Bắc: Giáp với đường Trường Sơn, cách đường ranh giới khoảng $7,2\text{m} > 3\text{m}$ (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Đông: Giáp với ranh giới khu đất, cách khoảng $26,46\text{m} > 3\text{m}$ (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Nam: Giáp với đường ranh giới khu đất, cách khoảng $5,34\text{m} > 3\text{m}$ (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Tây: Giáp nhà đặt máy phát điện dự phòng, đặt máy bơm PCCC, đặt máy bơm sinh hoạt cách khoảng $8,3\text{m}$; căn cứ chú thích 7 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 (khoảng cách đảm bảo quy định);

- Nhà bảo vệ (kí hiệu số 4):

+ Hướng Bắc: Giáp với đường Trường Sơn, cách đường ranh giới $2,4\text{m}$, cách trung tuyến đường Trường Sơn $23,67\text{m}$; Căn cứ điều E3.2 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 (khoảng cách đảm bảo quy định);

+ Hướng Đông Nam : Giáp khối nhà lưu trữ, cách khoảng $15,6\text{m} > 10\text{m}$ (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Nam: Giáp với nhà xe, cách khoảng $3,47\text{m}$. Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Tây: Giáp đường ranh giới khu đất, cách khoảng $4,4\text{m} > 3$ (Đảm bảo quy định);

- Nhà để xe (kí hiệu số 3):

+ Hướng Bắc: Giáp với nhà bảo vệ, cách khoảng $3,47\text{m}$. Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, nhà bảo vệ sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Đông: Giáp với khối nhà lưu trữ, cách khoảng $8,48\text{m}$. Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, khối nhà lưu trữ sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Nam: Giáp với nhà đặt máy phát điện dự phòng, đặt máy bơm PCCC, đặt máy bơm SH cách khoảng $3,23\text{m}$. Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, khối nhà đặt máy phát điện dự phòng, đặt máy bơm PCCC, đặt máy bơm SH sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Tây: Giáp đường ranh giới khu đất, cách khoảng $0,8\text{m}$. Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, khối nhà

đặt máy phát điện dự phòng, đặt máy bơm PCCC, đặt máy bơm SH sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

- Nhà đặt máy phát điện dự phòng, đặt máy bơm PCCC, đặt máy bơm SH (kí hiệu số 2):

+ Hướng Bắc: Giáp với nhà xe, cách khoảng 3,23m . Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, khối nhà sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

+ Hướng Đông: Giáp với khối nhà lưu trữ, cách khoảng 8,3m . Căn cứ chú thích 7 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 (khoảng cách đảm bảo quy định);

+ Hướng Nam: Giáp đường ranh giới, cách khoảng 6,68m > 3m (Đảm bảo quy định)

+ Hướng Tây: Giáp đường ranh giới khu đất, cách khoảng 1,28m. Căn cứ chú thích 4 bảng E.1 QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022, khối nhà sử dụng tường ngăn cháy loại 1 (Đảm bảo quy định);

b) Đường giao thông cho xe chữa cháy, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy, bãi đỗ, khoảng trống phục vụ hoạt động phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: Khuôn viên công trình có thiết kế đường cho xe chữa cháy có chiều rộng tại vị trí nhỏ nhất $4,2\text{m} \geq 3,5\text{m}$. Công trình có bề rộng 6m, không có giới hạn về chiều cao thông thủy (đảm bảo lối vào dành cho xe PCCC).

- Bãi đỗ xe chữa cháy: Công trình có bố trí bãi đỗ xe chữa cháy kích thước $6\text{m} \times 25\text{m}$.

- Lối vào trên cao: Công trình có thiết kế 02 lối vào từ trên cao.

c) Giải pháp thoát nạn:

Có 2 lối thoát nạn trên mỗi tầng

- Thiết kế lối thoát nạn qua hành lang giữa rộng tối thiểu 1,85m. Cầu thang thoát nạn rộng 1,29m và 1,54m; chiều nghiêng rộng 1,29m và 1,54m.

- Khoảng cách thoát nạn: Căn cứ bảng G.2a phụ lục G QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 (Đảm bảo quy định);

+ Tầng 1: 26m từ vị trí giữa 2 lối thoát nạn ra ngoài nhà, không có vị trí điểm cắt

+ Tầng 2-8: 12m từ vị trí giữa 2 lối thoát nạn đến cầu thang thoát nạn, không có vị trí điểm cắt.

- Tại các gian phòng được thiết kế các cửa bản lề thoát nạn, kích thước cửa được thiết kế theo quy chuẩn hiện hành.

- Các cửa trên lối ra thoát nạn được mở cửa tự do từ bên trong nhà mà không cần chìa khóa để phục vụ thoát nạn.

d) Bậc chịu lửa, công năng, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ:

Dự kiến bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy của các khối nhà tuân thủ

theo QCVN 06:2022/BXD, Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD và các tiêu chuẩn có liên quan, cụ thể:

- Khối nhà lưu trữ: Bạc I.
- Nhà bảo vệ: Bạc II. (Căn cứ bảng 4 điều 2.5.3.3, căn cứ phụ lục F - QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 : tường chịu lực đạt R90, sàn mái BTCT lợp tôn đạt REI 45 (Đảm bảo quy định);
- Nhà xe: Bạc IV. (Căn cứ bảng 4 điều 2.5.3.3, căn cứ phụ lục F - QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 : trụ thép không chịu lực đạt R15, (Đảm bảo quy định);
- Nhà đặt máy phát điện dự phòng, đặt máy bơm PCCC, đặt máy bơm sinh hoạt: Bạc II. (Căn cứ bảng 4 điều 2.5.3.3, căn cứ phụ lục F - QCVN 06:2022 và Sửa đổi 01:2023 của QCVN 06:2022 : tường chịu lực đạt R90, sàn mái BTCT lợp tôn đạt REI 45 (Đảm bảo quy định);

đ) Giải pháp chống khói

- Khối nhà lưu trữ được trang bị hệ thống hút khói. Hành lang các tầng của toà nhà có chiều dài lớn hơn 15m. Các hành lang sẽ được hút khói với lưu lượng được tính toán theo phụ lục H1-TCVN 5678-2024, thông qua trục hút khói & quạt đặt trên mặt bằng mái. Miệng hút khói và van ngăn cháy MFD sẽ kết nối cho tất cả hành lang các tầng, khi có sự cố cháy tại 01 tầng thì van ngăn cháy MFD tầng đó sẽ hoạt động (thông qua tín hiệu từ đầu báo khói được bố trí trong hành lang), còn tất cả các tầng khác thì MFD sẽ đóng lại, quạt hút sẽ bắt đầu hoạt động. Đồng thời quạt cấp bù khí và Van MFD tại tầng này sẽ được mở, cấp lượng khí bù mà quạt hút ra ngoài.

- Ống gió hút khói sẽ là loại chống cháy để đảm bảo yêu cầu tích hợp hoạt động và các đường ống hút khói sẽ là loại chống cháy EI30 được quy định theo QCVN 06:2022 sửa đổi 01.2023 phụ lục D (Quạt hút khói là loại quạt chống cháy tại điều kiện 300°C trong 2 giờ).

e) Giải pháp hệ thống phòng cháy chữa cháy

- Hệ thống báo cháy tự động: Bao gồm trung tâm báo cháy tự động tủ báo cháy địa chỉ 2 loop, 254 địa chỉ đặt tại nhà bảo vệ, đầu báo cháy tự động được lắp đặt tại tất cả các phòng, hộp nút ấn báo cháy lắp đặt tại các lối thoát nạn, chiếu nghỉ cầu thang ở vị trí dễ quan sát.

- Chữa cháy trong nhà: Công trình sử dụng hệ thống chữa cháy Sprinkler, hệ thống chữa cháy vách tường, chữa cháy khí, các bình chữa cháy lưu động. Bố trí cụm máy bơm nước chữa cháy bằng điện và diezen cho công trình. Bể chữa cháy 126m³.

1.3. Nguồn vốn

Ngân sách thành phố

1.4. Cơ quan thực hiện dự án

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng.

1.5. Tiến độ thực hiện dự án

2024 - 2027

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện gói thầu tư vấn.

2.1. Nhiệm vụ cụ thể nhà thầu bao gồm:

a) Đề xuất nhiệm vụ khảo sát xây dựng, kiểm định chất lượng công trình (nếu có) để phục vụ thiết kế.

b) Đề xuất của nhà thầu đối với công việc thiết kế chưa được chủ đầu tư đưa vào hồ sơ mời thầu.

c) Nghiên cứu tài liệu về thuyết minh, thiết kế cơ sở, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, các số liệu bổ sung về khảo sát xây dựng; khảo sát hiện trường;;

d) Thiết kế công trình phù hợp với bước thiết kế trước, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình, đảm bảo sản phẩm tư vấn xây dựng (thuyết minh, các bản vẽ, dự toán) phù hợp với dự án đầu tư xây dựng công trình được duyệt và qui định của pháp luật về xây dựng.

đ) Trên cơ sở tính năng kỹ thuật của các thiết bị phê duyệt ở bước dự án, nhà thầu thu thập báo giá, đề xuất, lập hồ sơ tính năng, nguồn gốc xuất xứ thiết bị và tổng hợp dự toán phần thiết bị vào trong tổng mức đầu tư.

e) Phối hợp với chủ đầu tư, cơ quan chủ quản, đơn vị sử dụng để thống nhất trang thiết bị cần lắp đặt, vị trí lắp đặt cho công trình đảm bảo đúng với tiêu chuẩn của từng tầng, từng phòng làm việc và phòng bệnh.

g) Trình bày và bảo vệ hồ sơ thiết kế thi công và dự toán trong quá trình thẩm định, phê duyệt trước các cơ quan có thẩm quyền đến khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

h) Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

i) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành công việc, hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

k) Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình.

l) Sản phẩm của hợp đồng

- Nhà thầu có trách nhiệm bảo giao cho Chủ đầu tư: Nhiệm vụ khảo sát, thuyết minh thiết kế, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, quy trình bảo trì công trình (kèm theo file bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế, dự toán, bảng tính kết cấu, chỉ dẫn kỹ thuật, bảng kê các tiêu chuẩn áp dụng).

- Phần thuyết minh của sản phẩm thiết kế gồm có các nội dung tính toán và làm rõ phương án lựa chọn kỹ thuật, dây chuyền công nghệ, lựa chọn thiết bị, so sánh các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật kiểm tra các số liệu và làm căn cứ thiết kế;

các chỉ dẫn kỹ thuật; giải thích những nội dung mà bản vẽ thiết kế chưa thể hiện được, phù hợp với hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư đã đặt ra.

- Bản vẽ phải thể hiện chi tiết các bộ phận của công trình, các kích thước, thông số kỹ thuật, vật liệu chính đảm bảo đủ điều kiện để thi công và lập dự toán xây dựng công trình.

- Trong bản vẽ mặt bằng bố trí, lắp đặt thiết bị của từng tầng phải có bảng thống kê chi tiết số lượng thiết bị bố trí cho tầng đó, đồng thời phải thể hiện rõ vị trí lắp đặt cho phù hợp với số lượng thiết bị.

- Danh mục vật tư, trang thiết bị công trình phải được lập riêng một tập dự toán, trong đó ghi chi tiết rõ cột số lượng, đơn giá, thành tiền (không tính chung toàn bộ) và đồng thời phải nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ, công suất, nhãn hiệu... của từng loại vật tư, thiết bị kèm theo báo giá của nhà cung cấp. Đối với vật tư, thiết bị không có trong Thông báo giá liên Sở, đơn vị tư vấn thiết kế phải cập nhật ít nhất 03 bảng chào giá của các đơn vị cung cấp, làm cơ sở xác định giá để đưa vào dự toán.

- Nhà thầu phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

- Nhà thầu không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

- Sản phẩm giao nộp bao gồm:

- + Lần 1 (Sau khi hoàn thành thiết kế):

- 03 bộ hồ sơ gồm: Nhiệm vụ khảo sát, thuyết minh thiết kế, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, quy trình bảo trì công trình.

- 01 đĩa CD ghi dữ liệu toàn bộ hồ sơ gồm: Bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế, dự toán, bảng tính kết cấu, chỉ dẫn kỹ thuật, bảng kê các tiêu chuẩn áp dụng (ghi bằng phần mềm AutoCAD đối với bản vẽ, phần mềm dự toán đối với dự toán chi tiết và tổng dự toán, MS Office đối với thuyết minh), nhiệm vụ khảo sát.

- + Lần 2 (Sau khi có quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở):

- 07 bộ hồ sơ gồm: Nhiệm vụ khảo sát, , thuyết minh thiết kế, các bản vẽ và dự toán xây dựng công trình theo quy định của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan, quy trình bảo trì công trình (kèm theo file bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế, dự toán, bảng tính kết cấu, chỉ dẫn kỹ thuật, bảng kê các tiêu chuẩn áp dụng).

- 01 đĩa CD ghi dữ liệu toàn bộ hồ sơ đã thẩm định, phê duyệt gồm: Bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế, dự toán, bảng tính kết cấu, chỉ dẫn kỹ thuật, bảng kê các tiêu chuẩn áp dụng (ghi bằng phần mềm AutoCAD đối với bản vẽ,

phần mềm dự toán đối với dự toán chi tiết và tổng dự toán, MS Office đối với thuyết minh), nhiệm vụ khảo sát.

2.2. Yêu cầu của việc lập hồ sơ thiết kế thi công dự toán

a) Yêu cầu lập thiết kế dự toán

Tư vấn Lập hồ sơ thiết kế thi công và dự toán cho dự án Khu lưu trữ hiện hành Trung tâm hành chính thành phố đảm bảo đầy đủ các hạng mục theo dự án được duyệt và đảm bảo các tiêu chuẩn, quy phạm, quy định hiện hành.

* Yêu cầu về thiết kế:

- Lập hồ sơ thiết kế theo đúng yêu cầu:

+ Đáp ứng yêu cầu, phù hợp với nội dung dự án đầu tư xây dựng được duyệt, quy hoạch xây dựng, cảnh quan kiến trúc, điều kiện tự nhiên, văn hóa - xã hội tại khu vực xây dựng.

+ Nội dung thiết kế xây dựng công trình phải đáp ứng yêu cầu của từng bước thiết kế.

+ Tuân thủ tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng, đáp ứng yêu cầu về công năng sử dụng, công nghệ áp dụng (nếu có); bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn trong sử dụng, mỹ quan, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống cháy, nổ và điều kiện an toàn khác.

+ Có giải pháp thiết kế phù hợp và chi phí xây dựng hợp lý; bảo đảm đồng bộ trong từng công trình và với các công trình liên quan; bảo đảm điều kiện về tiện nghi, vệ sinh, sức khỏe cho người sử dụng. Khai thác lợi thế và hạn chế tác động bất lợi của điều kiện tự nhiên; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu thân thiện với môi trường.

+ Thiết kế xây dựng phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng và các Nghị định liên quan.

+ Thành phần, nội dung, quy cách hồ sơ thiết kế phải đảm bảo đúng theo quy định hiện hành (áp dụng đối với công trình dân dụng, cấp II).

b) Yêu cầu về dự toán

- Dự toán xây dựng phải phù hợp với thiết kế xây dựng được duyệt và quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Dự toán phải đảm bảo tính hợp lý, hợp lệ và tuân thủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Sử dụng định mức xây dựng, đơn giá xây dựng, cơ sở dữ liệu về giá phù hợp với thực tế và các văn bản hướng dẫn;

- Tuân thủ phương pháp xác định chi phí theo quy định;

- Giá thiết bị trong dự toán xây dựng được xác định phù hợp với giá thị trường trên cơ sở thông tin về giá thiết bị trong cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất; hoặc giá của thiết bị tương tự về công suất, công nghệ, xuất xứ trong công trình đã thực hiện được quy đổi phù hợp với thời điểm tính toán;

- Dự toán xây dựng công trình được lập đảm bảo chất lượng và quy định hiện hành.

c) Yêu cầu khác

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, trước pháp luật về thực hiện đúng thủ tục đầu tư và xây dựng, về chất lượng sản phẩm tư vấn của mình; chịu sự kiểm tra thường xuyên của Chủ đầu tư và cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư xây dựng;

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Chủ đầu tư về chất lượng sản phẩm tư vấn của mình, đảm bảo an toàn và ổn định của kết cấu, có kiến trúc, quy hoạch phù hợp với dự án đã được duyệt, có biện pháp đảm bảo an toàn môi sinh - môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ công trình trong quá trình xây dựng và đưa vào sử dụng;

- Sản phẩm tư vấn phải phù hợp với quy chuẩn hiện hành về xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà nước, của ngành, nhiệm vụ thiết kế và hợp đồng giao nhận thầu thiết kế. Sản phẩm thiết kế phải phù hợp với nội dung theo trình tự thiết kế, có thuyết minh, tính toán, bản vẽ thiết kế - dự toán theo quy định.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm phối hợp với Chủ đầu tư giải trình trước các cơ quan thẩm quyền về hồ sơ thiết kế - dự toán;

- Chủ nhiệm thiết kế và các Chủ trì thiết kế phải có đầy đủ chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng phù hợp còn hiệu lực, chịu trách nhiệm về chất lượng và tính đúng đắn của bản vẽ thiết kế, giải pháp kỹ thuật nêu ra và tiên lượng thiết kế;

- Khi có yêu cầu bổ sung, sửa đổi điều chỉnh hoặc thiết kế lại của Chủ đầu tư trong phạm vi ranh giới của dự án (cũng như các bên thẩm tra, thẩm định, phê duyệt và các vấn đề, vướng mắc phải điều chỉnh, bổ sung trong quá trình triển khai thi công thực tế), Nhà thầu có trách nhiệm hoàn thành đến khi được chấp nhận (thẩm tra, thẩm định, phê duyệt);

- Bảo đảm đúng tiến độ đề ra;

- Nhà thầu phải cử các cán bộ đủ tiêu chuẩn về bằng cấp, kinh nghiệm cần thiết cho việc lập thiết kế - dự toán cho công trình trên;

- Trong quá trình thực hiện gói thầu trên, nếu có vấn đề nảy sinh do thiếu sót của Nhà thầu, Nhà thầu nhanh chóng sửa chữa, khắc phục và bổ sung để không ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện DVTV

Ngay sau khi ký hợp đồng, với thời gian không quá 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Thời gian thực hiện theo tiến độ hợp đồng và theo tiến độ đầu tư của dự án;

- Nhà thầu tư vấn phải nộp báo cáo cho Chủ đầu tư theo từng giai đoạn đầu tư của dự án.

- Ngay sau khi hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực, Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm lên danh mục khối lượng công việc thực hiện và các yêu cầu đề xuất cần thiết với Chủ đầu tư để có sự phối hợp cần thiết trong công việc;

- Theo tiến độ của nhà thầu đề xuất trong HSDT, nhà thầu phải có kế hoạch hoàn thành các phần công việc thiết kế theo từng giai đoạn. Khi xong mỗi phần công việc như: Thiết kế kiến trúc, kết cấu, điện, nước, danh mục thiết bị.... Nhà thầu báo cáo cho Chủ đầu tư và gửi một bộ bản vẽ dự thảo kèm thuyết minh để chủ đầu tư kiểm tra;

- Nhà thầu tư vấn thiết kế có trách nhiệm chỉnh sửa hồ sơ tư vấn theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, thẩm tra thiết kế, dự toán và Chủ đầu tư cho đến khi hồ sơ được cấp có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt;

- Việc báo cáo về công việc và trao đổi ý kiến phải được duy trì thường xuyên trong suốt quá trình làm việc. Bất cứ tại giai đoạn nào, khi Chủ đầu tư cần thiết đều có thể kiểm tra về tiến độ thực hiện, mức độ hoàn thành công việc của Nhà thầu để giảm rủi ro cũng như có sự phối hợp cụ thể. Ngoài những báo cáo thường xuyên theo cam kết, Nhà thầu cũng không có quyền từ chối làm các báo cáo đột xuất khi Chủ đầu tư yêu cầu.

- Yêu cầu chi tiết về tiến độ: 45 ngày thực hiện, cụ thể:

+ Hoàn thành hồ sơ thiết kế, dự toán phần thiết bị và các báo giá theo quy định: trong đó:

++ Bàn giao toàn bộ hồ sơ file cứng + file mềm: ≤ 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

++ Hoàn thành việc chỉnh sửa hồ sơ đảm bảo yêu cầu sau khi nhận được ý kiến của Ban Quản lý, tư vấn thẩm tra, tư vấn BIM và các cơ quan chuyên môn (nếu có): Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản hồi.

+ Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thuyết minh, cụ thể:

++ Bàn giao toàn bộ hồ sơ file cứng + file mềm: không quá 35 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

++ Hoàn thành việc chỉnh sửa hồ sơ đảm bảo yêu cầu sau khi nhận được ý kiến của Ban quản lý, tư vấn thẩm tra, tư vấn BIM và các cơ quan chuyên môn (nếu có): Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản hồi.

+ Đối với các hạng mục bổ sung mới: 2 Bên sẽ thỏa thuận cụ thể.

+ Đối với việc thực hiện điều chỉnh hồ sơ thiết kế - dự toán đã được phê duyệt (nhưng không làm thay đổi theo thiết kế cơ sở):

++ Bàn giao toàn bộ hồ sơ file cứng + file mềm: không quá 10 ngày kể từ ngày có Biên bản thống nhất của bên A.

++ Hoàn thành việc chỉnh sửa hồ sơ đảm bảo yêu cầu sau khi nhận được ý kiến của Ban quản lý, tư vấn thẩm tra, tư vấn BIM và các cơ quan chuyên môn: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản phản hồi.

Thời gian thực hiện bao gồm thứ 7, Chủ nhật và các ngày nghỉ theo quy định.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU:

- Đảm bảo đủ số lượng chất lượng cán bộ cần thiết thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT và tiến độ. Trong trường hợp tiến độ yêu cầu cấp bách Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu bổ sung thêm nhân sự để đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Nhà thầu có trách nhiệm giải thích các nội dung trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trước Chủ đầu tư và các cơ quan thẩm định khi Chủ đầu tư yêu cầu.

- Nhà thầu có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung các nội dung trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán trên cơ sở các ý kiến góp ý, thẩm định của Chủ đầu tư và của các cơ quan chức năng liên quan để hoàn thiện bộ sản phẩm hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán giao nộp cho Chủ đầu tư trình phê duyệt theo đúng quy định.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ:

- Chủ đầu tư sẽ tạo điều kiện thuận lợi để nhà thầu tư vấn thực thi nhiệm vụ tại công trình như vào hiện trường, tham khảo hồ sơ các thông tin cần thiết và các tài liệu khác liên quan đến dự án khi nhà tư vấn yêu cầu để thực hiện các dịch vụ tư vấn.

- Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ phối hợp với nhà thầu tư vấn trong quá trình thiết kế.

- Chủ đầu tư sẽ có trách nhiệm cung cấp những tài liệu có liên quan đến nhiệm vụ của tư vấn, kể cả các tài liệu nghiên cứu liên quan hiện có nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà thầu tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Có trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.